**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

**MÔN ĐỊA LÍ – KHỐI 10 –** **Bài 36 “VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN, PHÂN BỐ NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI”**

**I. HƯỚNG DẪN HỌC TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **BÀI 36:VAI TRÒ,ĐẶC ĐIỂM VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN,PHÂN BỐ NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI.** | **I.Vai trò, đặc điểm ngành giao thông vận tải:**  **II- Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố ngành GTVT** |
| ***Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu*** | **Học sinh nghiên cứu SGK Địa lí 10 Bài “VAI TRÒ,ĐẶC ĐIỂM VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN,PHÂN BỐ NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI”(Nếu HS không có SGK có thể tham khảo nội dung kiến thức trọng tâm đính kèm)**  **Học sinh trả lời các câu hỏi sau:**   1. Nêu các vai trò của ngành giao thông vận tải? Hãy tìm ví dụ? 2. Tại sao sự phát triển GTVT góp phần thúc đẩy các hoạt động kinh tế, văn hoá ở những vùng núi xa xôi…? 3. Nêu đặc điểm của ngành giao thông vận tải? 4. Tìm hiểu ảnh hưởng của nhân tố Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội? 5. Cho ví dụ cụ thể về sự ảnh hưởng của các nhân tố Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội… đến sự phát triển ngành giao thông vận tải? |
| ***Hoạt động 2: Kiểm tra đánh giá quá trình tự học*** | - Học sinh cần nắm được kiến thức trọng tâm của bài học.  - Hoàn thành bài tập củng cố  - Gửi lại thông tin phản hồi nếu gặp khó khăn trong quá trình tự học |

**II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**BÀI 36:VAI TRÒ,ĐẶC ĐIỂM VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN,PHÂN BỐ NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI.**

**I.Vai trò, đặc điểm ngành giao thông vận tải:**

**1. Vai trò:**

- Giúp cho quá trình sản xuất diễn ra liên tục, bình thường.

- Đảm bảo nhu cầu đi lại của nhân dân, giúp cho sinh hoạt thuận tiện.

- Nhân tố quan trọng phân bố sản xuất và dân cư.

- Thúc đẩy hoạt động kinh tế - văn hóa ở các vùng núi xa xôi.

- Củng cố tính thống nhất của nền KT, tăng cường sức mạnh quốc phòng.

- Giao lưu kinh tế các nước.

**2- Đặc điểm:**

- Sản phẩm là sự chuyên chở người và hàng hóa.

- Chất lượng sản phẩm : Sự tiân nghi, an toàn, tốc độ nhanh…

- Tiêu chí đánh giá:

+ Khối lượng vận chuyển (số hành khách, số hàng hóa được vận chuyển)

+ Khối lượng luân chuyển (người/km ; tấn/km)

+ Cự ly vận chuyển trung bình (km)

**II- Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố ngành GTVT**

**1- Điều kiện tự nhiên:**

- Quy định sự có mặt, vai trò của một số loại hình giao thông vận tải

Ví dụ: Nhật, Anh giao thông vận tải đường biển có vị trí quan trọng.

- Ảnh hưởng lớn đến công tác thiết kế và khai thác các công trình giao thông vận tải.

Ví dụ : Núi, eo biển xây dựng hầm đèo

- Khí hậu, thời tiết ảnh hưởng sâu sắc tới hoạt động của phương tiện vận tải.

Ví dụ: Sương mù máy bay không hoạt động được.

**2- Các điều kiện kinh tế - xã hội:**

- Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế quyết định sự phát triển, phân bố hoạt động của giao thông vận tải.

- Các ngành kinh tế là khách hàng của ngành giao thông vận tải.

- Trang bị cơ sở vật chất cho ngành giao thông vận tải.

- Phân bố dân cư, đặc biệt là các thành phố lớn và các chùm đô thị ảnh hưởng sâu sắc tới vận tải hành khách, vận tải bằng ô tô.

**III. BÀI TẬP CỦNG CỐ**

**BÀI 36:VAI TRÒ,ĐẶC ĐIỂM VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN,PHÂN BỐ NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI.**

**Câu 1.** Khoảng 2/3 số hải cảng trên thế giới phân bố ở biển/đại dương nào?

A. Ven bờ Ấn Độ Dương.

B. Ven bờ Địa Trung Hải.

C. Hai bờ đối diện Đại Tây Dương.

D. Hai bờ đối diện Thái Bình Dương.

**Câu 2.** Nhân tố nào sau đây không có tác động đến lựa chọn loại hình vận tải, hướng và cường độ vận chuyển?

A. Yêu cầu về phương tiện vận tải.

B. Yêu cầu về khối lượng vận tải.

C. Yêu cầu về cự li vận chuyển.

D. Yêu cầu về tốc độ vận chuyển.

**Câu 3.** Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng sâu sắc tới sự vận tải hành khách, đặc biệt là bằng đường bộ?

A. Quy mô, cơ cấu dân số.

B. Phân bố dân cư, đô thị.

C. Trình độ phát triển kinh tế.

D. Truyền thống, phong tục tập quán.

**Câu 4.** Tiêu chí nào không để đánh giá khối lượng dịch vụ của hoạt động vận tải?

A. Cước phí vận tải thu được.

B. Khối lượng vận chuyển.

C. Khối lượng luân chuyển.

D. Cự li vận chuyển trung bình.

**Câu 5.** Đặc điểm nào sau đây không đúng với ngành giao thông vận tải?

A. Sản phẩm là sự chuyên chở người và hàng hóa.

B. Chất lượng sản được đo bằng tốc độ chuyên chở, sự tiện nghi, an toàn.

C. Tiêu chí đánh giá là khối lượng vận chuyển, khối lượng luân chuyển và cự li vận chuyển trung bình.

D. Số lượng hành khách luân chuyển được đo bằng đơn vị: tấn.km.

**Câu 6.** Ngành đường biển đảm nhận chủ yếu việc vận chuyển

A. Giữa các vùng ven biển.

B. Quốc tế.

C. Giữa các nước phát triển với nhau.

D. Giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển.

**Câu 7.** Ngành vận tải đảm nhiệm phần lớn trong vận tải hàng hoá quốc tế và có khối lượng luân chuyển lớn nhất thế giới

A. Đường biển.

B. Đường ôtô .

C. Đường sắt.

D. Đường hàng không.

**Câu 8.** Hai tuyến đường sông quan trọng nhất ở châu Âu hiện nay là

A. Vônga, Rainơ

B. Rainơ, Đa nuýp.

C. Đanuýp, Vônga.

D. Vônga, Iênitxây.

**Câu 9.** Những nước phát triển mạnh ngành đường sông hồ

A. Những nước ở Châu Âu nhờ vào hệ thống sông Đa nuýp và Rai nơ.

B. Hoa Kỳ, Canada và Nga.

C. Các nước ở vùng có khí hậu lạnh có hiện tượng băng hà nên có nhiều hồ.

D. Các nước Châu Á và Châu Phi có nhiều sông lớn.

**IV. PHẢN HỒI THÔNG TIN**

(Những thắc mắc của học sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập)

**TRƯỜNG THPT TẠ QUANG BỬU**

**LỚP**:...............

**HỌ VÀ TÊN HỌC SINH:**.........................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **MÔN** | **NỘI DUNG HỌC TẬP** | **CÂU HỎI CỦA HỌC SINH** |
| **ĐỊA LÍ** | **BÀI 36:VAI TRÒ,ĐẶC ĐIỂM VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN,PHÂN BỐ NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI.**  1.Nêu các vai trò của ngành giao thông vận tải? Hãy tìm ví dụ?  2.Tìm hiểu ảnh hưởng của nhân tố Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội? | 1. .........................................................................  .............................................................................  .............................................................................  .............................................................................  2. .........................................................................  .............................................................................  .............................................................................  ............................................................................. |
| **ĐÁP ÁN BÀI TẬP CỦNG CỐ**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **1-** | **2-** | **3-** | **4-** | **5-** | **6-** | **7-** | **8-** | **9-** | **10-** | **11-** | **12-** | | **13-** | **14-** | **15-** | **16-** | **17-** | **18-** | **19-** | **20-** | **21-** | **22-** | **23-** | **24-** | | | |